

Số: 38/2023/QĐST-HNGĐ

Phù Cù, ngày 24 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: chị **Trương Thị D**, sinh năm 2000;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: anh **Trần Văn T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn N, xã T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/7/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị D và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị D và anh Trần Văn T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trương Thị D và anh Trần Văn T đều khẳng định có 01 con chung là cháu Trần Diệu N, sinh ngày 25/01/2019. Nay ly hôn, chị D và anh T thỏa thuận: Giao con chung cháu Trần Diệu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Hằng tháng chị Trương Thị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh Trần Văn T là 1.000.000đ, (Một triệu đồng)/một tháng, thời hạn cấp dưỡng được tính từ tháng 07/2023 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị Trương Thị D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu người phải thi hành án không thi hành đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Về tài sản, công sức, nợ: chị Trương Thị D và anh Trần Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Trương Thị D và anh Trần Văn T thỏa thuận: chị D tự nguyện chịu cả 150.000đ, (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào khoản tiền chị D đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0006267 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; chị Trương Thị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại chị Trương Thị D 150.000đ, (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Phù Cừ;
- UBND xã T2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Hiền